

Số: 1709/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 18 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I  
chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ quyết định số 931/BYT-QĐ ngày 25/8/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT- YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/05/2022 và quyết định số 964/QĐ-YDHP ngày 09/06/2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa I các chuyên ngành;

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trường khoa Y.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I, chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng khoa Mã số: 607305CK.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

**BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN KHOA CẤP I  
CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG  
MÃ SỐ: 87202.05 CK**

**Hải Phòng-2022**

# I. GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

## 1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo: Dược lý và Dược lâm sàng.
- Mã số: 87202.05CK
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Chương trình đào tạo theo định hướng thực hành
- Trình độ đào tạo: chuyên khoa cấp I
- Mã số đào tạo: 87202.05CK
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Hình thức đào tạo: tập trung
- Đối tượng tuyển sinh: dược sĩ
- Cơ sở đào tạo: trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Bằng học có thể tiếp tục: chuyên khoa cấp II

## 2. Kế hoạch tuyển sinh

Dự kiến tuyển sinh 20 học viên cho năm học đầu tiên, và điều chỉnh chỉ tiêu hàng năm dựa trên năng lực của Trường và nhu cầu thực tế.

### ***Tiêu chuẩn dự tuyển:***

- Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ (đại học), hệ chính quy và liên thông, và được dự thi cao học ngay sau khi tốt nghiệp đại học và có Bằng hoặc xác nhận (còn hiệu lực) của cơ sở giáo dục đại học.
- Dược sĩ tốt nghiệp tại nước ngoài, phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.

***Môn thi tuyển:*** 02 môn: môn chuyên ngành, môn cơ sở và môn ngoại ngữ

Môn chuyên ngành: Dược lý

- Hình thức thi: Thi viết.

Môn cơ sở: Dược động học.

- Hình thức: Thi viết.

#### **IV. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

##### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng đạt các chuẩn đầu ra, có kiến thức chuyên sâu về dược lý và dược lâm sàng, kỹ năng thực hành tốt, có thái độ hành nghề chuyên nghiệp; có năng lực giải quyết vấn đề thuộc nhiệm vụ của người dược sĩ trình độ Chuyên khoa cấp I, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức và năng lực tự học trở thành chuyên gia trong lĩnh vực dược lý và dược lâm sàng.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**

###### ***Kiến thức:***

PO1. Bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành dược nói chung và kiến thức chuyên sâu về dược lý và dược lâm sàng.

PO2. Bổ sung kiến thức về bệnh học và điều trị phục vụ trực tiếp cho công tác dược lâm sàng.

PO3. Bổ sung kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để nâng cao năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu khoa học liên quan đến an toàn và chất lượng sử dụng thuốc.

###### ***Kỹ năng:***

PO4. Thông tin thuốc cho người bệnh và cán bộ y tế.

PO5. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ y tế.

PO6. Phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

PO7. Xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện các danh mục thuốc và các qui trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc.

PO8. Tập huấn, đào tạo về dược lâm sàng.

PO9. Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.

PO10. Tham gia các ban chuyên môn, nhóm đa ngành liên quan đến sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

PO11. Giao tiếp, hợp tác tốt với các cán bộ y tế, người bệnh, cộng đồng

PO12. Sử dụng tốt tiếng Anh trong tìm kiếm, đọc hiểu, phân tích được các tài liệu chuyên ngành dược lý và dược lâm sàng.

***Về mức độ tự chủ và trách nhiệm***

PO13. Có tinh thần trách nhiệm, phát huy tính sáng tạo, tiếp thu cái mới để ứng dụng vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

PO14. Có tinh thần và ý chí học tập liên tục, suốt đời để nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn.

PO15. Làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và các thành viên trong nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành.

**V. CHUẨN ĐẦU RA**

**Về kiến thức:**

PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp

PLO2. Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội, triết học, hệ thống pháp luật Việt Nam trong hành nghề Y Dược

**Về kỹ năng:**

PLO3. Tư vấn xây dựng các danh mục thuốc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhằm mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả  
PLO3. Thông tin, hướng dẫn và đào tạo về sử dụng thuốc cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người sử dụng thuốc và cộng đồng.

PLO4. Thông tin, hướng dẫn và đào tạo về sử dụng thuốc cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người sử dụng thuốc và cộng đồng

PLO5. Tư vấn, giám sát việc chỉ định, kê đơn và sử dụng thuốc thông qua các hoạt động hội chẩn chuyên môn, bình ca lâm sàng.

PLO6. Tham gia xây dựng quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc và giám sát việc thực hiện các quy trình này

PLO7. Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

PLO8. Tham gia và triển khai các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng, thử nghiệm tương đương sinh học của thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các nghiên cứu khoa học khác về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả

PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, và đồng nghiệp.

PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động dược lâm sàng

PLO11. Tổ chức, quản lý, đánh giá hiệu quả và đề xuất kế hoạch cải tiến các hoạt động dược lâm sàng

### VỀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

PLO12. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.

PLO13. Tự định hướng và hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn

## VI. QUỸ THỜI GIAN

### 1. Quỹ thời gian của khóa học

TT	Khối lượng học tập	Tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Kiến thức chung	9	7	2
2	Kiến thức cơ sở	11	11	0
3	Kiến thức chuyên ngành	21	9	12
4	Kiến thức tự chọn	17	6-8	9-11
5	Luận văn tốt nghiệp	12	0	12
<b>Tổng cộng</b>		<b>70</b>	<b>33-35</b>	<b>35-37</b>

- 1 tín chỉ (tín chỉ): Tương ứng 15 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành tại phòng thí nghiệm (Thực hành PXN), 45 giờ thực hành tại bệnh viện.

- Các tiết học thực hành thiết kế trong chương trình này đã được quy đổi tương ứng với 01 tiết lý thuyết.

### 2. Phân bố quỹ thời gian của khóa học (tính theo tuần)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/hè	Hoạt động khác	Dữ trữ	Tổng

<b>I</b>	18	2	3	1	1	<b>25</b>
<b>II</b>	18	2	3	1	1	<b>25</b>
<b>III</b>	18	2	3	1	1	<b>25</b>
<b>IV</b>	16	4	3	1	1	<b>25</b>
<b>Tổng</b>	<b>70</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>100</b>

## VII. CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### A. Phần kiến thức chung: 9 TC

TT	Mã số	Tên Học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	CKDMC.101	Triết học	03	03	0
2	CKDMC.102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	03	02	01
3	CKDMC.103	Tin học ứng dụng	03	02	01
<b>Cộng</b>			<b>09</b>	<b>07</b>	<b>02</b>

### B. Phần kiến thức cơ sở: 11 TC

TT	Mã số	Tên Học phần/ học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	CKDCS.101	Bệnh học	03	03	0
2	CKDCS.102	Hóa sinh lâm sàng	02	02	0
3	CKDCS.103	Vi sinh lâm sàng	02	02	0
4	CKDCS.104	Thống kê y học	02	02	0
5	CKDCS.105	Đạo đức trong hành nghề dược	02	02	0
<b>Cộng</b>			<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>

### C. Khối kiến thức chuyên ngành: 21 TC

TT	Mã số	Tên Học phần/ học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	CKDCN.101	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	02	01	01
2	CKDCN.102	Dược động học lâm sàng	02	02	0
3	CKDCN.103	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	04	04	0
4	CKDCN.104	Dược lý phân tử	02	02	0
5	CKDCN.105	Thực hành dược bệnh viện	04	0	04
6	CKDCN.106	Phân tích ca lâm sàng	03	0	03
7	CKDCN.107	Thực hành dược lâm sàng nội khoa	04	0	04
<b>Tổng cộng</b>			<b>21</b>	<b>9</b>	<b>12</b>

**D. Khối kiến thức tự chọn: 17 TC (chọn tối thiểu 9 TC thực hành)**

TT	Mã số	Tên Học phần/ học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	CKDTC.101	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	02	02	0
2	CKDTC.102	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	02	01	01
3	CKDTC.103	Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa	02	0	02
4	CKDTC.104	Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh	02	02	0
5	CKDTC.105	Dược lý di truyền	02	02	0



6	CKDTC.106	Quản lý thử nghiệm lâm sàng	02	02	0
7	CKDTC.107	Quản lý dược bệnh viện	02	02	0
8	CKDTC.108	Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng	02	01	01
9	CKDTC.109	Bệnh gây ra do thuốc	02	02	0
10	CKDTC.110	Dược xã hội học	02	02	0
11	CKDTC.111	Đánh giá sử dụng thuốc	02	02	0
12	CKDTC.112	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	02	02	0
13	CKDTC.113	Thực hành dược bệnh viện nâng cao	03	0	03
14	CKDTC.114	Thực hành dược lâm sàng nội khoa nâng cao	03	0	03
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>6-8</b>	<b>9-11</b>

**E. Luận văn tốt nghiệp: 12 TC**